TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯỚNG HÓA** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST
Ngày: 07/5/2025
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thúy Vinh và ông Hoàng Công Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Đ Thiện – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thiên Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-DS ngày 11/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 18/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 41 đường Phạm V, khóm X, thị trấn L, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1971 và ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967; Cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị (Bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Đ vắng mặt lần thứ 02 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, tại đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 07/5/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 01/9/2024, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ có mượn của bà Nguyễn Thị L số tiền 227.125.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 01/9/2024. Bà Nguyễn Thị L đã nhiều lần yêu cầu bà D và ông Đ trả tiền nhưng mới trả được số tiền 25.000.000 đồng nên bà L yêu cầu bà D và ông Đ trả số tiền gốc còn lại là 202.125.000 đồng và tiền lãi (10%/năm) tính từ ngày làm đơn khởi kiện ngày 03/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/5/2025 là 125 ngày, số tiền 6.922.089 đồng. Tổng cộng: 209.047.089 đồng.

Năm 2023, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ rủ bà Nguyễn Thị L góp vốn cùng vợ chồng bà D và ông Đ để buôn bán gỗ nhưng không lập thành văn bản và bà L đã chuyển khoản từ số tài khoản 104873494092 mở tại ngân hàng Vietinbank của bà Nguyễn Thị L chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Văn Đ số tài khoản 0986367750 mở tại ngân hàng TMCP Quân Đội và tài khoản của bà Nguyễn Thị Thùy D số tài khoản 0975367769 mở tại ngân hàng TMCP Quân Đội. Tổng cộng số tiền bà L đã chuyển cho vợ chồng bà D và ông Đ là 376.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 18/09/2023, bà Nguyễn Thị L chuyển cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 30.000.000 đồng.

+ Ngày 22/09/2023, bà Nguyễn Thị L chuyển cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền 16.000.000 đồng.

+ Ngày 23/09/2023, bà Nguyễn Thị L chuyển cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền 3.000.000 đồng.

+ Ngày 29/09/2023, bà Nguyễn Thị L chuyển cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền 10.000.000 đồng.

+ Ngày 01/10/2023, bà Nguyễn Thị L chuyển cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền 36.000.000 đồng.

+ Ngày 03/10/2023, bà Nguyễn Thị L chuyển cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền 30.000.000 đồng.

+ Ngày 13/10/2023, bà Nguyễn Thị L chuyển cho Nguyễn Thị Thùy D số tiền 30.000.000 đồng.

+ Ngày 15/10/2023, bà Nguyễn Thị L chuyển cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền 20.000.000 đồng.

+ Ngày 21/10/2023, bà Nguyễn Thị L chuyển cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền 40.000.000 đồng.

+ Ngày 01/11/2023, bà Nguyễn Thị L chuyển cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền 20.000.000 đồng.

+ Ngày 07/11/2023, bà Nguyễn Thị L chuyển cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 10/11/2023, bà Nguyễn Thị L chuyển cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền 40.000.000 đồng.

+ Ngày 24/11/2023, bà Nguyễn Thị L chuyển cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền 2.000.000 đồng.

+ Ngày 08/12/2023, bà Nguyễn Thị L chuyển cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền 94.000.000 đồng).

Sau khi bà L chuyển tiền, vợ chồng bà D và ông Đ không mua bán gỗ nên bà L đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà D và ông Đ trả lại tiền nhưng mới trả cho bà L số tiền 70.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 25/10/2023, Nguyễn Thị Thùy D chuyển cho bà Nguyễn Thị L số tiền 20.000.000 đồng.

+ Ngày 26/10/2023, bà Nguyễn Thị Thùy D chuyển cho bà Nguyễn Thị L số tiền 20.000.000 đồng.

+ Ngày 07/11/2023, bà Nguyễn Thị Thùy D chuyển cho bà Nguyễn Thị L số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 28/11/2023, bà Nguyễn Thị Thùy D chuyển cho bà Nguyễn Thị L số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 06/12/2023, bà Nguyễn Thị Thùy D chuyển cho bà Nguyễn Thị L số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 306.000.000 đồng.

Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D và ông Đ trả cho bà L tổng cộng số tiền là: 515.047.089 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, tại Văn bản trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt ngày 29/4/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Vợ chồng bà D và ông Đ có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 180.000.000 đồng và tiền lãi nên đến ngày 01/9/2024 nên chúng tôi đã làm giấy mượn tiền với tổng số tiền là 227.125.000 đồng. Bà D và ông Đ đã trả số tiền 25.000.000 đồng cho bà L. Số tiền bà D và ông Đ còn nợ bà L là 202.125.000 đồng. Bà L có chuyển khoản cho bà D và ông Đ số tiền 306.000.000 đồng để hùn vốn làm ăn. Tuy nhiên, do bà D và ông Đ làm ăn thua lỗ. Bà D và ông Đ là người có trách nhiệm với người hùn vốn và người cho vay tiền, tuy nhiên do việc làm ăn khó khăn nên bà D mong muốn trả cho bà L mỗi tháng 5.000.000 đồng hoặc có thể cao hơn khi có khả năng trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến gì.

Đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ:

- Nguyên đơn cung cấp: Giấy mượn tiền ngày 01/9/2024; (Bản phô tô); 01 USB chứa ghi âm kèm theo bản diễn giải nội dung ghi âm; 01 Căn cước công dân Nguyễn Thị L (Bản chứng thực); 01 Căn cước công dân Nguyễn Thị Thùy D (Bản phô tô);

Ngày 19/02/2025 cung cấp: 01 Bản diễn giải ghi âm của bà Trương Thị Nhung; 20 Bản giấy báo nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam.

Ngày 18/4/2025 cung cấp: 01 Văn bản trình bày ý kiến bổ sung nội dung khởi kiện.

- Bị đơn cung cấp: 01 Bản tự khai (ngày 16/01/2025); 01 Văn bản trình bày ý kiến và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 29/4/2025.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được tiến hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự.

Đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, 51, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 463, 465, 466, 469 468, 469 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 202.125.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc (tính từ ngày 03/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/5/2025 là: 202.125.000 đồng x 10%/năm x 125 ngày = 6.922.089 đồng). Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đứ phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 306.000.000 đồng. Tổng cộng: 515.047.089đ *(Năm trăm mười lăm triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm tám mươi chín đồng).*

Về án phí: Buộc các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ trả tiền vay theo giấy mượn tiền ngày 01/9/2024, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Đối với số tiền mà bà Nguyễn Thị L chuyển khoản cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ để góp mua bán gỗ nhưng không lập thành văn bản và không thực hiện việc mua bán gỗ nên bà L yêu cầu vợ chồng bà D và ông Đ trả lại tiền, đây là tranh chấp đòi lại tài sản.

- Việc vắng mặt của các bị đơn: Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị Thùy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vụ án được Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về số tiền gốc:

- Ngày 01/9/2024, bà Nguyễn Thị L và vợ chồng bà Nguyễn Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ lập Giấy mượn tiền, theo Giấy mượn tiền ngày 01/9/2024 thì vợ chồng bà D và ông Đ mượn của bà L số tiền là 227.125.000 đồng. Việc thỏa thuận mượn tiền giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Theo Giấy mượn tiền ngày 01/9/2024, các bên không thỏa thuận về kỳ hạn trả nợ, bà L đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà D và ông Đ trả nợ nhưng mới trả được cho bà L số tiền 25.000.000 đồng. Như vậy, bà L đã thông báo trước cho vợ chồng bà D và ông Đ một thời gian hợp lý về việc trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự. Bà D cũng thừa nhận có mượn của bà L số tiền 227.125.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 01/9/2024 và bà D và ông Đ đã trả cho bà L số tiền 25.000.000 đồng, còn nợ bà L số tiền là 202.125.000 đồng. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà D và ông Đ phải trả cho bà L số tiền 202.125.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

- Năm 2023, bà Nguyễn Thị L đã nhiều lần chuyển tiền cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ qua tài khoản ngân hàng tổng cộng số tiền 376.000.000 đồng để góp buôn bán gỗ nhưng không thực hiện buôn bán gỗ như thỏa thuận nên bà Nguyễn Thị L yêu cầu vợ chồng bà D và ông Đ trả lại tiền và vợ chồng bà D và ông Đ đã chuyển trả lại cho bà L số tiền 70.000.000 đồng, bà L yêu cầu vợ chồng bà D và ông Đ phải trả số tiền còn lại là 306.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại Văn bản trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt ngày 29/4/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D thừa nhận số tiền mà bà Nguyễn Thị L đã chuyển cho bà L là 376.000.000 đồng, bà D đã chuyển lại cho bà L số tiền 70.000.000 đồng, còn lại 306.000.000 đồng nhưng do vợ chồng bà D, ông Đ làm ăn thua lỗ nên chưa có khả năng thanh toán. Như vậy, bà D thừa nhận số tiền còn nợ bà L là 306.000.000 đồng. Do đó, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà D và ông Đ phải trả lại số tiền 306.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu trả lãi:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị đơn vợ chồng Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ phải trả tiền lãi trên số tiền gốc 202.125.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 01/9/2024, tính từ ngày làm đơn khởi kiện 03/01/2025 đến ngày 07/5/2025 là: 202.125.000 đồng x 10%/năm x 125 ngày = 6.922.089 đồng. Xét thấy Giấy mượn tiền ngày 01/9/2024 không thỏa thuận tính lãi, không có kỳ hạn nên nguyên đơn yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày làm đơn khởi kiện 03/01/2025 đến ngày 07/5/2025. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị L các khoản tiền sau:

- Số tiền nợ gốc 202.125.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 01/9/2024 và tiền lãi tính từ ngày làm đơn khởi kiện ngày 03/01/2025 đến ngày 07/5/2025 là 6.922.089 đồng, tổng cộng 209.047.089 đồng.

- Số tiền góp buôn bán gỗ: 306.000.000 đồng. Tổng cộng: 515.047.089 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.942.500 đồng. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.601.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 21, Điều 26, Điều 35, Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị L tổng cộng số tiền 515.047.089đ *(Năm trăm mười lăm triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm tám mươi chín đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 24.601.000đ *(Hai mươi bốn triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.942.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2023 số 0000274 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hướng Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Chi cục THADS huyện Hướng Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ hành chính tư pháp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Huy